

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/DS-ST
Ngày 18-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; địa chỉ: Số 266 - 268, đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, quận 3, Thành phố M; địa chỉ liên hệ: Số 28, đường Hùng V, tổ 13, khu phố 1, phường M, thị xã C, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976; địa chỉ liên hệ: Số 28 đường Hùng V, tổ 13, khu phố 1, phường M, thành phố C, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2023). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Vương Thanh To, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 142 đường Lý Thường K, phường Phú C, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Mai Xuân T trình bày:

Ngày 22/12/2022, bà Vương Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (sau đây gọi tắt là S) – Chi nhánh Bến C giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, theo đó S đã cấp hạn mức tín dụng cho bà T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); mục đích để tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các khoản giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền 217.649.664 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà T đã thanh toán cho S số tiền 95.369.725 đồng. Đối với số tiền còn lại, S đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T không trả, do đó ngày 25/12/2023 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/7/2024, bà T còn nợ S tổng số tiền 143.396.814 đồng, trong đó nợ gốc là 114.201.671 đồng, lãi trong hạn là 19.463.467 đồng và lãi quá hạn là 9.731.676 đồng.

Do đó, S khởi kiện yêu cầu bà Vương Thanh T phải trả ngay cho S tổng số tiền tính đến ngày 18/7/2024 là 143.396.814 đồng, trong đó nợ gốc là 114.201.671 đồng, lãi trong hạn là 19.463.467 đồng; lãi quá hạn là 9.731.676 đồng và lãi phát sinh sau ngày 18/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn bà Vương Thanh T đã được Tòa án tổng đạt và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/6/2024 và tham gia phiên tòa vào các ngày 08/7/2024 và ngày 18/7/2024 nhưng bà T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B phát biểu ý kiến:
Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Mai Xuân T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Vương Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà Vương Thanh T vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 22/12/2022 giữa S với bà Vương Thanh T là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của S – Chi nhánh Bến C với bà Vương Thanh T thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng này, đã cấp tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bà Vương Thanh T. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thực hiện các khoản giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền 217.649.664 đồng, bà T đã thanh toán cho S 95.369.725 đồng. Tính đến ngày 18/7/2024 bà Thảo còn nợ số tiền 143.396.814 đồng, trong đó nợ gốc 114.201.671 đồng, lãi trong hạn là 19.463.467 đồng; lãi quá hạn là 9.731.676 đồng. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ chứng minh bị đơn không vay tiền hoặc đã thanh toán, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy, S khởi kiện yêu cầu bà T phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 92, 147, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S) đối với bị đơn bà Vương Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Vương Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S) số nợ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 22/12/2022 tổng số tiền tính đến ngày 18/7/2024 là 143.396.814 đồng, trong đó nợ gốc 114.201.671 đồng, lãi trong hạn là 19.463.467 đồng và lãi quá hạn 9.731.676 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 19/7/2024 cho đến khi bà Vương Thanh T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S) phải chịu 3.014.000 đồng (ba triệu không trăm mười bốn ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vương Thanh T phải chịu số tiền 7.169.841 đồng (bảy triệu một trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi một đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S) số tiền 3.057.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002164 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. M
- CCTHADS TP. M;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

